TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 926/2025/DS-ST
Ngày: 29 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Phú
- Ông Nguyễn Việt Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 505/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 569/2025/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 447/2025/QĐST- DS ngày 10 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N; Trụ sở: 201 – 203 Cách mạng tháng T, phường B (trước đây là Phường D, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành S, ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Lê Hoàng G; Cùng địa chỉ: Lầu F số D L, phường tân H1 (trước đây là Phường H, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy ủy quyền số 314/2025/UQ-AMC.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T– sinh năm 1983; CMND: 023683877; Địa chỉ: H T, phường T (trước đây là Phường I, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Thành S là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần N trình bày: Ngày 19/05/2020, Ngân hàng TMCP N - Chi Nhánh A (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) và bà Nguyễn Thị Ngọc T (sau đây gọi là bị đơn) đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ, hợp đồng bảo đảm bằng một phần số dư của sổ tiết kiệm, giấy đề nghị phong tỏa tài khoản để phát hành thẻ tín dụng số0315/2020/902-CV , bao gồm bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của N1 (gọi chung là Hợp đồng tín dụng), theo đó nguyên đơn đã phát hành cho bị đơn sản phẩm thẻ MC EMV Platinum

Credit Main Card với một số nội dung cụ thể: Số tài khoản 690205802650002, lãi suất trong hạn: 30%/năm; lãi suất quá hạn: 45%/năm, hạn mức tín dụng: 100.000.000 đồng, hạn mức rút tiền mặt: 80.000.000 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ đến ngày 15/7/2025, bị đơn thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 171.046.400 đồng và đã thanh toán tổng số tiền là 115.361.119 đồng. Tại thời điểm tháng 4/2023 đến tháng 7/2023, bị đơn thanh toán không đủ số tiền nên phát sinh lãi trong hạn 30%/năm và phí chậm thanh toán. Tháng 8/2023, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với mức lãi suất 45%/năm (Điều 10 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của N2).

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện nhưng bị đơn vẫn không thực hiện.

Vì những lý do trên, nguyên đơn kính đề nghị Tòa xem xét để giải quyết các yêu cầu đối với người bị kiện như sau:

- Tuyên buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực các khoản sau tạm tính đến ngày 29/09/2025 là:

• Tổng nợ gốc: 88.092.002 đồng;

• Lãi trong hạn: 30.855.047 đồng

• Tổng lãi quá hạn : 86.559.442 đồng

Trong thời gian chưa thanh toán đầy đủ nghĩa vụ, bị đơn vẫn phải chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

Bị đơn vắng mặt nên Tòa không ghi nhận được ý kiến.

Do các bên đương sự không có mặt đầy đủ và phía nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản ghi nhận vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai và bản sao kê chi tiết tính lãi ngày 29/9/2025 của nguyên đơn cung cấp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với nguyên đơn, do đó đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo kết quả xác minh của Công an phường T (Phường I, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn hiện đang cư trú tại H T, khu phố B, phường T

(Phường I, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh. Xét việc khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 56 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4.

[1.2] Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

- Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 88.092.002 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định như sau:

Ngày 12/5/2020, bị đơn đã ký với nguyên đơn giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã bao gồm bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 436438-8009. Như vậy, giữa bị đơn và nguyên đơn đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thẻ. Theo khoản 1 Điều 10 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của nam N2 quy định: "*Ngay sau khi đến hạn thanh toán mà C thẻ không thanh toán số tiền tối thiểu hoặc số tiền đến hạn thì N2 sẽ chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quía hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định của N2''*.

Quá trình thực hiện, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Từ kỳ thanh toán tháng 3 đến tháng 7/2023, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nguyên đơn đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ, yêu cầu thanh toán các khoản tiền phát sinh từ nhưng bị đơn không thực hiện nên nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn vào ngày 24/7/2023. Đối chiếu với lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.2] Về yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi trong hạn: 70.631.220 đồng, xét: Căn cứ vào lời khai, tóm tắt sao kê và tính lãi của nguyên đơn thì mức lãi suất, thời gian tính lãi cũng như số tiền lãi phát sinh là đúng theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng : "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"* và khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N3 quy định: " *Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời*

điểm chuyển nợ quá hạn". Theo tóm tắt sao kê do nguyên đơn cung cấp, hạn thanh toán kỳ tháng 3/2021 đến kỳ tháng 7/2023, bị đơn thanh toán không đủ số tiền của mỗi kỳ. Đến kỳ tháng 8/2023, bị đơn không thanh toán nên phải chịu các khoản lãi trong hạn, phí chậm thanh toán và lãi quá hạn theo quy định nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền lãi, phí tính đến hết ngày 29/9/2025 và tiếp tục thanh toán các khoản lãi, phí phát sinh khác theo quy định của hợp đồng hai bên đã ký kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thi hành án xong.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ: Do đây là khoản vay tiêu dùng cá nhân và nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán nên Hội đồng xét xử buộc bị đơn tự chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

[2.4] Phương thức và thời hạn thanh toán: Xét bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền gốc và lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh: Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

- Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2025 là: 205.506.491 đồng (Hai trăm linh năm triệu năm trăm lẻ sáu ngàn bốn trăm chín mươi mốt đồng), bao gồm nợ gốc: 88.092.002 đồng (T1 mươi tám triệu không trăm chín mươi hai

ngàn không trăm linh hai đồng), lãi trong hạn: 30.855.047 đồng (Ba mươi triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn không trăm bốn mươi bảy đồng); lãi quá hạn: 86.559.442 đồng (T1 mươi sáu triệu năm trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm bốn mươi hai đồng).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm tiếp tục trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần N các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả hết nợ hoặc thi hành án xong theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng

kiêm hợp đồng bao gồm bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký giữa hai bên.

- Thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí là 10.275.325 đồng (Mười triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng).

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.722.487 đồng (Ba triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm tám mươi bảy đồng) theo biên lai thu số 0080814 ngày 21/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp . Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 4;
- THA dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo